

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ BA SAO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ BA SAO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BA SAO INTERNATIONAL TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TM&DVQT BA SAO

2. Mã số doanh nghiệp: 0108619726

3. Ngày thành lập: 21/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Cát Thuế, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984946683

Fax:

Email: Sale.euroking@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn về pháp luật về bất động sản, tư vấn về tài chính bất động sản); - Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
3.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
4.	Quảng cáo	7310
5.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
6.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
7.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
8.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
9.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
10.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
11.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
12.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
13.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129

14.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
16.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
17.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
18.	Xây dựng công trình thủy	4291
19.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
20.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
21.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
22.	Phá dỡ	4311
23.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

25.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như: + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo, + Chuông, + Đường ray tàu hoả, + Dụng cụ gài, uốn; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.	2599
26.	Truyền tải và phân phối điện (Loại trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia)	3512
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
31.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
33.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
34.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
35.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
38.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
39.	Bán buôn thực phẩm	4632
40.	Bán buôn đồ uống	4633
41.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.	4649
42.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
43.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường, cân ô tô, điện tử.	4659
46.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662

48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
49.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn cao su; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. - Kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp	4669
50.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
51.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
52.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
53.	In ấn	1811
54.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
55.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hoá hoặc đã lưu hoá hoặc đã làm cứng - Sản xuất chổi cao su; - Sản xuất ống cao su cứng; - Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự. - Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su; - Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính; - Đệm nước cao su; - Túi tắm bằng cao su; - Quần áo lặn bằng cao su;	2219
57.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm sản xuất vàng)	2432
58.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
59.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	1104
60.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

61.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
62.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
63.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
64.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
65.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
66.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
67.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
68.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
69.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ loại nhà nước cấm)	2420
70.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
71.	Sản xuất rượu vang	1102
72.	Đúc sắt, thép	2431
73.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
76.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Ký túc xá học sinh, sinh viên; - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm.	5590
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
78.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
79.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
80.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
81.	Xuất bản phần mềm (Loại trừ xuất bản phẩm)	5820
82.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
83.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
84.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
85.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
86.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
87.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
88.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

89.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
90.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
91.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
92.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
93.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
94.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
95.	Sản xuất máy luyện kim	2823
96.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
97.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
98.	Bán buôn tổng hợp	4690
99.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
100.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
101.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
102.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
103.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752(Chính)
104.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
105.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
106.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
107.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh - Kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp	4773
108.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
109.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
110.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
111.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
112.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
113.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
114.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải	3700
115.	Xây dựng nhà để ở	4101

116.	Xây dựng nhà không để ở	4102
117.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
118.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
119.	Xây dựng công trình điện	4221
120.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
121.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
122.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
123.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao; - Vận tải hành khách bằng taxi; - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt).	4931
124.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
125.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
126.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
127.	Bốc xếp hàng hóa	5224

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VŨ MINH HẢI**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *26/02/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *017258656*

Ngày cấp: *09/03/2011*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố 1, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Cát Thuế, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ MINH HẢI**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/02/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *017258656*

Ngày cấp: *09/03/2011*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố 1, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Cát Thuế, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**